

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/10/2022.

Về việc: “T/c về Ly hôn; Nuôi con chung;
Chia tài sản chung; Cầm cố QSD đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thành Tuấn;

2. Bà Phạm Thị Kim Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Thu Hồng Em; Kiểm sát viên.

Vào các ngày 29/9 và 06/10/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 104/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019; Về việc “*Tranh chấp về Ly hôn; Nuôi con chung; Chia tài sản chung; Hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng D, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: ấp Đ, xã VT, huyện C, An Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: ấp Đ, xã VT, huyện C, An Giang.

Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn B: Luật sư Lê Văn P - Văn phòng Luật sư Lê Văn P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ: số 64 Điện Biên Phủ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3. 1. Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1988;

3. 2. Chị Phan Thị N, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: ấp Đ, xã VT, huyện C, An Giang.

3. 3. Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1955;

3. 4. Chị Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1999;

3. 5. Anh Nguyễn Quốc D, sinh năm 2001;

3. 6. Anh Nguyễn Khánh D, sinh năm 2004;

Nơi cư trú: ấp Đ, xã VT, huyện C, An Giang.

4. Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng cho ông Lê Văn D:

4. 1. Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1955;

4. 2. Chị Lê Thị Hồng D, sinh năm 1980;

4. 3. Anh Lê Vũ L, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: ấp Đ, xã VT, huyện C, An Giang.

(Vắng mặt anh Lê Vũ L, còn lại đều có mặt; Đã tổng đạt hợp lệ)

NỘI DU VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng D và lời khai tại phiên tòa có nội Du như sau:*

Chị Lê Thị Hồng D sống chung với anh Nguyễn Văn B từ năm 1998, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành (giấy đăng ký kết hôn số 85 ngày 20/8/2007). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xảy ra cự cãi và không còn tình cảm nên đã sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị Lê Thị Hồng D yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Vợ chồng chung sống có 04 con chung là chị Nguyễn Thị Thúy V sinh ngày 09/9/1999, anh Nguyễn Quốc D sinh ngày 03/6/2001, anh Nguyễn Khánh D sinh ngày 15/5/2004 và Nguyễn Hữu D sinh ngày 20/02/2007, hiện tại các con đang sống chung với chị Lê Thị Hồng D. Nay yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung gồm: Vợ chồng đang đứng tên 02 diện tích đất nông nghiệp, gồm: Đất 02 Lúa tại xã Định Thành (huyện Thoại Sơn) diện tích 9.298m² (giấy chứng nhận số H02085cH ngày 09/01/2006) hiện tại đang cầm cố cho vợ chồng anh Nguyễn Ngọc H, chị Phan Thị N số tiền 250.000.000đ; Đất 02 Lúa xã Vĩnh Thành (huyện Châu Thành) diện tích 11.554m² (theo 02 giấy chứng nhận số 02772/hG ngày 31/12/2002 và CH02229 ngày 25/6/2014); Tuy nhiên, tất cả tài sản này do cha mẹ cho. Nay cũng đồng ý chia nhưng yêu cầu Tòa án phân chia như sau: Diện tích đất ở Vĩnh Thành chia làm 06 phần, trong đó chị D và các con được hưởng 05 phần và chia cho anh B hưởng 01 phần và xin nhận hiện vật; Đối với diện tích đất ở Định Thành yêu cầu chuyển nhượng để chia giá trị, trong đó mỗi người được chia ½ và số nợ tiền có đất 250.000.000đ cũng chia ½ để trả. Thống nhất kết quả định giá theo chứng thư thẩm định giá ngày 17/5/2022 của Công ty cổ phần thẩm định giá trị Việt, ngoài ra yêu cầu anh Nguyễn Văn B để lại nguyên căn nhà trên đất cho chị D cùng với các con có nơi sinh sống.

* Theo bản khai của bị đơn anh Nguyễn Văn B và lời khai tại phiên tòa có nội Du như sau: Anh Nguyễn Văn B thống nhất theo lời trình bày của chị Lê Thị Hồng D về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, thời gian phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn. Vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2019 đến nay và hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn.

Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Văn B đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Hồng D.

Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Văn B thống nhất giao con cho chị Lê Thị Hồng D tiếp tục nuôi dưỡng, do không yêu cầu cấp dưỡng nên anh không có ý kiến gì.

Về quan hệ tài sản: Trong quá trình chung sống vợ chồng đã tự tạo lập được diện tích đất 02 Lúa tại xã Định Thành (huyện Thoại Sơn) và xã Vĩnh Thành (huyện Châu Thành) như chị D đã trình bày, đồng thời đã cầm cố cho vợ chồng anh H, chị N canh tác diện tích đất ở xã Định Thành lấy số tiền là 250.000.000đ cho chị D làm ăn và trả nợ, đến nay đã hết thời hạn cầm cố nhưng chưa có tiền để chuộc lại nên vẫn để anh H, chị N tiếp tục canh tác. Ngoài ra, tài sản chung còn có căn nhà cấp 4 ngang 08m dài 15m nằm trên diện tích đất xây nền 120m² gắn với phần đất ở xã Vĩnh Thành và những tài sản vật dụng trong nhà có giá trị khoảng 120.000.000đ, 01 chiếc xe mô tô hiệu VISON trị giá 28.000.000đ và 02 lượng vàng (9999) đều do chị D đang quản lý và sử dụng. Nay yêu cầu Tòa án chia toàn bộ diện tích đất 02 Lúa theo đo đạc thực tế làm 02 phần, mỗi người hưởng ½ giá trị và đồng ý nhận giá trị hoặc nhận hiện vật; Riêng căn nhà và những tài sản khác anh B không yêu cầu chia, để cho chị D và các con sử dụng nhưng căn nhà pH di dời để giao diện tích đất trồng để chuyên nhượng lấy tiền chia. Thống nhất theo kết quả đo đạc thực tế, giá trị thẩm định giá của Công ty thẩm định giá trị Việt, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

* Theo bản khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vợ chồng anh Nguyễn Ngọc H, chị Phan Thị N và lời trình bày tại phiên tòa có nội Du như sau: Vợ chồng anh Nguyễn Ngọc H, chị Phan Thị N thừa nhận vào năm 2017, có thỏa thuận nhận cố diện tích đất ruộng làm lúa 03 vụ là 07 công tầm cắt (hơn 09 công tầm điền) với số tiền cố là 250.000.000đ, thời hạn cố là đến năm 2020 là hết hạn. Do ở địa phương nên vợ chồng biết rất rõ là diện tích đất này là của chị D, anh B tạo ra nên vợ chồng anh H, chị N mới nhận cố và có làm giấy tay, có vợ chồng anh B và chị D ký tên, hiện tại diện tích đất này vợ chồng vẫn đang trực tiếp canh tác; Mặc dù đã hết hạn cố nhưng anh B, chị D chưa trả lại số tiền cố nên vợ chồng vẫn tiếp tục canh tác. Nay yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Văn B, chị Lê Thị Hồng D trả số tiền cố đất 250.000.000đ, vợ chồng sẽ trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế là 9.510m² (đất tọa lạc tại xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, An Giang).

* Theo bản khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng ông Lê Văn D) bà Huỳnh Thị D và lời khai tại phiên tòa có nội Du như sau: Lê Thị Hồng D là con ruột và Nguyễn Văn B là con rể, ngoài ra vợ chồng còn có người con trai (em của D) tên Lê Vũ L. Vào năm 2006, vợ chồng bà Du, ông Du dành dụm được một số vốn nên có nhận chuyển nhượng đất lúa tại

xã Định Thành và xã Vĩnh Thành nhưng để cho vợ chồng B, D đứng tên giấy chứng nhận để tiện cho việc vay vốn làm ăn và canh tác lúa. Nay phần tài sản này đã đứng tên của vợ chồng D, B nên không có tranh chấp, giao quyền quyết định cho con gái là chị Lê Thị Hồng D, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

* Theo bản khai của người có quyền lợi liên quan chị Nguyễn Thị Thúy Duy, anh Nguyễn Quốc D, anh Nguyễn Khánh D và lời khai tại phiên tòa có nội Du như sau: Tất cả đều là con ruột của ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị Hồng D; Ngoài ra, còn có em út là Nguyễn Hữu D sinh ngày 20/02/2007. Hiện tại chị Thúy Duy, anh Quốc Duy, Khánh Duy đều đã trưởng thành nhưng vẫn còn sống chung trong gia đình, tuy nhiên từ khi cha mẹ xảy ra mâu thuẫn thì tất cả chị em đều sống với ông bà Ngoại cùng với mẹ là Lê Thị Hồng D. Nay ba mẹ ly hôn và chia tài sản thì tất cả yêu cầu được giữ lại căn nhà để các chị em có nơi sinh sống, đồng thời yêu cầu để lại toàn bộ diện tích đất ruộng tại xã Vĩnh Thành (huyện Châu Thành) cho các chị em canh tác lo cuộc sống, riêng phần đất ruộng ở xã Định Thành (huyện Thoại Sơn) không tranh chấp hay yêu cầu gì.

* Quan điểm của Luật sư B về quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Văn B tại phiên tòa có nội Du: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị D đã trầm trọng, hiện tại có 04 con chung nhưng chỉ còn cháu Nguyễn Hữu D sinh ngày 20/02/2007 là chưa trưởng thành, chị D yêu cầu tiếp tục nuôi và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa thì anh B thống nhất theo yêu cầu của chị D về quan hệ hôn nhân, con chung và cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận. Về tài sản chung thì chị D, anh B thống nhất toàn bộ diện tích đất 02 Lúa tại xã Định Thành (huyện Thoại Sơn) và xã Vĩnh Thành (huyện Châu Thành) là tài sản chung của vợ chồng nên đề nghị chấp nhận chia tài sản theo yêu cầu của anh Nguyễn Văn B. Ngoài ra, việc không yêu cầu chia nhà, tài sản trong nhà, vàng và xe là sự tự nguyện của bị đơn nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

* Theo bản trích đo hiện trạng ngày 16/9/2019 do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Thoại Sơn đo vẽ thể hiện: Diện tích đất 02 Lúa hiện tại cầm cố cho vợ chồng anh H, chị N là 9.510m² (tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02085/cH ngày 09/01/2006 mang tên Lê Thị Hồng D, Nguyễn Văn B thì diện tích đất có tăng 221m²; Theo bản trích đo hiện trạng ngày 22/4/2020 do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Thành đo vẽ thể hiện: Diện tích đất trồng lúa là 11.288m² (các điểm 25, 26, 27 và 21), diện tích làm nhà ở là 809m² (tại các điểm 12, 5, 18, 19, 20 và 28), diện tích nương hào dùng để bơm nước tưới tiêu đất ruộng là 176m²; Tất cả diện tích nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02772/hG ngày 31/12/2002 mang tên Nguyễn Văn B và giấy chứng nhận số CH02229 ngày 25/6/2014 mang tên Nguyễn Văn B, Lê Thị Hồng D; Đồng thời diện tích đất theo đo đạc thực tế có giảm 266m² do mở rộng lộ nông thôn.

* Theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 06/8/2019 đã thể hiện: Diện tích 9.510m² (tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9) theo bản trích đo ngày 16/9/2019, hiện tại do anh H, chị N đang quản lý canh tác lúa theo hợp đồng cầm cố đất với anh B, chị D; Diện tích 11.288m² (các điểm 25, 26, 27 và 21), diện tích làm nhà ở

là 809m² (tại các điểm 12, 5, 18, 19, 20 và 28), diện tích ruộng dùng để bơm nước tưới tiêu đất ruộng là 176m² và căn nhà cấp 4 theo bản trích đo hiện trạng ngày 22/4/2020, hiện tại đang do anh Nguyễn Văn B đang trực tiếp quản lý, sử dụng và canh tác lúa.

* Theo kết quả chứng thư thẩm định giá ngày 17/5/2022 thể hiện: Diện tích đất xã Định Thành là 9.510m², đơn giá 168.000đ/m² = 1.597.680.000đ; Diện tích đất xã Vĩnh Thành là 11.288m², đơn giá 176.000đ/m² = 1.986.688.000đ; Tổng giá trị tài sản đã định giá là 3.584.568.000đ (làm tròn 3.584.000.000đ). Ngoài ra, phần diện tích 809m² làm nhà ở và diện tích 176m² hào nước dùng tưới tiêu ruộng lúa (tổng cộng 985m²) chưa được định giá, tuy nhiên tại phiên tòa các đương sự tự thỏa thuận và thống nhất diện tích 985m² có đơn giá 176.000đ = 173.360.000đ.

* Theo Công văn số 438/UBND-TH ngày 11/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Thọ Sơn trả lời có nội Du: Đối với diện tích đất tăng 221m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02085cH do Ủy ban nhân dân huyện Thọ Sơn cấp ngày 09/01/2006 mang tên Lê Thị Hồng D, Nguyễn Văn B thì không thuộc quy hoạch đất công do địa phương quản lý, sẽ được cấp giấy và điều chỉnh theo quyết định của Tòa án. Theo bản trích đo hiện trạng ngày 22/4/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Thành có chú thích nội Du: Theo tờ trình 28/TTr.UB ngày 08/10/2014 của xã Vĩnh Thành xác định thửa 1884, tờ BĐ 02 đã được cấp lại thành thửa 03, tờ BĐ 66 cho ông Lê Ngọc Sáng và hiện tại ông Nguyễn Văn B đã được điều chỉnh lại thành thửa 1885 và 5932, tờ BĐ 02.

* Quan điểm của Viện kiểm sát về quá trình tố tụng của vụ kiện: Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền; Trong quá trình tiến hành tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung và cấp dưỡng các bên đã thống nhất trên cơ sở tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của chị D, anh B; Ngoài ra, bị đơn anh Nguyễn Văn B chứng minh được toàn bộ tài sản yêu cầu chia là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên đề nghị chấp nhận, phân chia mỗi người ½ giá trị hoặc hiện vật theo yêu cầu, đồng thời buộc các bên PH chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] *Về tố tụng*: Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về xin ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung vợ chồng và tranh chấp hợp đồng cầm cố đất, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, anh Lê Vũ L vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa.

Về nội Du:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Hồng D đã thừa nhận có sống chung như vợ chồng với anh Nguyễn Văn B từ năm 1998 nhưng đến năm 2007 đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; Nay do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị D xin được ly hôn với anh B, đồng thời tại phiên tòa cũng được anh B đồng ý. Xét thấy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị D, anh B đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, Tòa án nhiều lần mời hai bên để hòa giải hàn gắn đoàn tụ nhưng cả hai đều thống nhất ly hôn. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận sự thuận tình ly hôn của chị Lê Thị Hồng D và anh Nguyễn Văn B.

[3] *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng:* Chị Lê Thị Hồng D và anh Nguyễn Văn B đều thừa nhận chị Nguyễn Thị Thúy V sinh ngày 09/9/1999, anh Nguyễn Quốc D sinh ngày 03/6/2001, anh Nguyễn Khánh D sinh ngày 15/5/2004 và Nguyễn Hữu D sinh ngày 20/02/2007 là con chung của anh chị và giấy khai sinh của các cháu cũng đã thể hiện điều này, do đó cần công nhận tất cả là con chung của anh B, chị D, đồng thời phía chị Lê Thị Hồng D có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, từ khi anh chị không còn sống chung nữa thì 04 cháu đã sống chung với chị D đến nay và nguyện vọng của cháu Nguyễn Hữu D muốn sống chung với chị D, đồng thời phía anh B cũng không tranh chấp; Do đó, để ổn định tâm lý và cuộc sống cho cháu nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Hồng D là được tiếp tục nuôi Nguyễn Hữu D (03 cháu còn lại đã trưởng thành). Ngoài ra, phía chị Lê Thị Hồng D không yêu cầu anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

[4] Về quan hệ tài sản, nợ chung:

4.1. Anh Nguyễn Văn B xác định tài sản là diện tích đất 02 Lúa tại xã Định Thành là 9.510m² và diện tích đất tại xã Vĩnh Thành là 11.554m² là tài sản do vợ chồng tạo ra trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng, đồng thời giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng đã thể hiện tên của anh B, chị D nên anh Nguyễn Văn B yêu cầu chia toàn bộ tài sản mỗi người ½ giá trị. Trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa chị Lê Thị Hồng D cũng thừa nhận những diện tích đất này là tài sản chung của vợ chồng do chị và anh B đứng tên, đồng ý chia nhưng chỉ chấp nhận chia cho anh B 1/6 diện tích đất tại xã Vĩnh Thành và chia ½ diện tích đất ở xã Định Thành. Xét thấy, toàn bộ tài sản này được tạo ra trong thời kỳ hôn nhân, không ai chứng minh được công sức đóng góp nhiều hơn nên cần xem là có công sức đóng góp bằng nhau, do đó theo yêu cầu của anh

Nguyễn Văn B chia mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

4.2. Theo chị Lê Thị Hồng D yêu cầu được nhận tài sản là hiện vật đối với phần diện tích đất tại xã Vĩnh Thành là nơi có căn nhà trên đất nhằm để cho các con có nơi sinh sống, trong khi đó phía anh Nguyễn Văn B đồng ý hưởng giá trị hay hiện vật đều chấp nhận. Vì vậy, để không di dời căn nhà và những tài sản trên đất nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Hồng D là được chia phần diện tích đất 11.554m^2 tại xã Vĩnh Thành (huyện Châu Thành) được toàn quyền sử dụng, đồng thời chia cho anh Nguyễn Văn B diện tích đất 9.510m^2 tại xã Định Thành (huyện Thoại Sơn); Theo đó, diện tích đất chia cho chị D có giá trị 2.160.048.000đ và diện tích đất chia cho anh B có giá trị 1.597.680.000đ, do đó phần tài sản chia cho chị D có giá trị cao hơn của anh B nên PH có trách nhiệm hoàn lại giá trị chênh lệch, cụ thể như sau:

$$2.160.048.000\text{đ} - 1.597.680.000\text{đ} = 562.368.000\text{đ};$$

$$562.368.000\text{đ} : 2 = 281.184.000\text{đ};$$

Như vậy, cần buộc chị Lê Thị Hồng D có trách nhiệm hoàn lại phần giá trị tài sản chênh lệch cho anh Nguyễn Văn B số tiền là 281.184.000đ là phù hợp và đúng quy định pháp luật. Ngoài ra, do diện tích đất ở xã Định Thành có tăng và đất ở xã Vĩnh Thành có giảm, đồng thời có sai số thừa nên khi được nhận đất sử dụng thì các bên có nghĩa vụ đi điều chỉnh theo quy định pháp luật.

[5] Trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải thì vợ chồng bà Huỳnh Thị D, ông Lê Văn D cho rằng toàn bộ tài sản mà anh Nguyễn Văn B, chị Lê Thị Hồng D đứng tên thì đều là tài sản của vợ chồng ông D, bà D nhờ đứng tên dùm nhưng lại không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh, đồng thời tại phiên tòa bà Huỳnh Thị D không yêu cầu hay tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Ngoài ra, các con của anh B, chị D là Nguyễn Thị Thúy Duy, Nguyễn Quốc D và Nguyễn Khánh D yêu cầu giao lại toàn bộ diện tích đất 11.554m^2 tại xã Vĩnh Thành (huyện Châu Thành) để canh tác do hiện tại chưa được cha mẹ cho tài sản gì để sinh sống; Trong khi đó, toàn bộ tài sản được tạo ra từ trước năm 2014 và thời gian này các con của anh B, chị D đều chưa đủ 18 tuổi, đến thời điểm này các con của anh B, chị D cũng không chứng minh được công sức đóng góp trong khối tài sản chung, đồng thời trong quá trình thu thập chứng cứ và trước khi đưa vụ án ra xét xử thì Tòa án có Thông báo cho các con đã trưởng thành của anh B, chị D là Nguyễn Thị Thúy Duy, Nguyễn Quốc D và Nguyễn Khánh D nhưng tất cả không có tranh chấp hay yêu cầu gì. Do đó, tại phiên tòa phát sinh yêu cầu của chị Thúy Duy, anh Quốc Duy và anh Khánh Duy về việc được chia toàn bộ tài sản là diện tích đất 11.554m^2 tại xã Vĩnh Thành (huyện Châu Thành) để canh tác là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Đối với hợp đồng cầm cố đất giữa vợ chồng anh Nguyễn Ngọc H, chị Phan Thị N với anh B, chị D đối với diện tích đất 9.510m^2 tại xã Định Thành (huyện Thoại Sơn), số tiền 250.000.000đ, thời hạn cố từ năm 2017 đến năm 2020 hết hạn và đến nay đã hết hạn nhưng các bên chưa trả tiền và giao trả đất, nay vợ chồng anh H, chị N yêu cầu trả lại số tiền cố đất 250.000.000đ thì sẽ trả lại diện

tích đất đã nhận cố, đồng thời yêu cầu này cũng được chị D, anh B thống nhất. Xét thấy, việc cầm cố đất giữa các bên là giao dịch không được pháp luật cho phép nhưng giữa các bên đã thừa nhận nên cần xem xét buộc anh Nguyễn Văn B, chị Lê Thị Hồng D trả lại cho vợ chồng anh Nguyễn Ngọc H, chị Phan Thị N số tiền 250.000.000đ, đồng thời buộc anh H, chị N giao trả lại diện tích đất cho anh B, chị D. Do diện tích đất này đã được chia cho anh Nguyễn Văn B nên chỉ cần buộc anh B trả lại số tiền cố đất này cho vợ chồng anh H, chị N; Trong khi đó, số nợ 250.000.000đ tiền cố đất này thì anh B, chị D đã thống nhất mỗi người chịu ½ để trả nên cần buộc chị Lê Thị Hồng D hoàn lại số tiền 125.000.000đ cho anh Nguyễn Văn B là phù hợp.

[7] Về chi phí tố tụng: Về chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản tại xã Định Thành (huyện Thoại Sơn) và xã Vĩnh Thành (huyện Châu Thành) với tổng số tiền là 19.271.448đ, trong đó toàn bộ số tiền này phía anh Nguyễn Văn B đã nộp tạm ứng và quyết toán xong. Do anh B, chị D được hưởng phần tài sản như nhau nên chi phí tố tụng mỗi bên chịu ½ số tiền này, do anh Nguyễn Văn B đã xuất ra trước nên phía chị Lê Thị Hồng D có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh B ½ số tiền là 9.635.724đ.

[8] Về quan điểm của Luật sư B về quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn anh Nguyễn Văn B tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ. Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với những nhận định trên nên được chấp nhận. Việc anh Nguyễn Văn B không yêu cầu chia căn nhà, tài sản trong nhà, vàng, xe và giao cho chị Lê Thị Hồng D và các con quản lý, sử dụng là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[9] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Do nguyên đơn, bị đơn được chia tài sản và trả lại số tiền cố đất nên tất cả PH chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, Điều 33, Điều 34, Điều 55, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Khoản 3, Điều 26, 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử*:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Lê Thị Hồng D và anh Nguyễn Văn B. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 85 ngày 20/8/2007 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành (huyện Châu Thành, An Giang) cấp không còn giá trị pháp lý.

* *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng*: Công nhận chị Nguyễn Thị Thúy V sinh ngày 09/9/1999, anh Nguyễn Quốc D sinh ngày 03/6/2001, anh Nguyễn Khánh D

sinh ngày 15/5/2004 và Nguyễn Hữu D sinh ngày 20/02/2007 là con chung của chị Lê Thị Hồng D và anh Nguyễn Văn B;

+ Giao cháu Nguyễn Hữu D cho chị Lê Thị Hồng D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Lê Thị Hồng D; Riêng Nguyễn Thị Thúy V, anh Nguyễn Quốc D và anh Nguyễn Khánh D đã trưởng thành.

+ Chị Lê Thị Hồng D cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

** Về quan hệ tài sản, nợ chung:*

+ Chị Lê Thị Hồng D được chia diện tích đất 12.273m² (tại các điểm 13, 5, 16, 19, 20, 21, 25, 26, 27 và 15) theo bản trích đo hiện trạng ngày 22/4/2020 do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Thành đo vẽ; Thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02772/hG ngày 31/12/2002 và số CH02229 ngày 25/6/2014 đều của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành. Đất tọa lạc tại ấp Đ, xã VT, huyện C, An Giang.

+ Anh Nguyễn Văn B được chia diện tích đất 9.510m² (tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9) theo bản trích đo hiện trạng ngày 22/4/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Thoại Sơn đo vẽ; Thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02085cH do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp ngày 09/01/2006. Đất tọa lạc tại ấp Đ, xã VT, huyện C, An Giang.

Chị Lê Thị Hồng D, anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục kê khai, điều chỉnh, tách bộ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Buộc chị Lê Thị Hồng D hoàn trả cho anh Nguyễn Văn B số tiền tổng cộng là 406.784.000đ; Trong đó: Giá trị tài sản chênh lệch là 281.184.000đ, số tiền nợ cầm cố đất 125.000.000đ.

+ Buộc anh Nguyễn Văn B trả lại cho anh Nguyễn Ngọc H, chị Phan Thị N số tiền cầm cố đất là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

+ Buộc anh Nguyễn Ngọc H, chị Phan Thị N trả lại cho anh Nguyễn Văn B diện tích đất 02 Lúa 9.510m² (tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9) theo bản trích đo hiện trạng ngày 22/4/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Thoại Sơn đo vẽ; Thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02085cH do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp ngày 09/01/2006. Đất tọa lạc tại ấp Đ, xã VT, huyện C, An Giang.

Việc giao trả tiền cầm cố đất và giao trả lại diện tích đất cầm cố giữa anh Nguyễn Văn B với anh Nguyễn Ngọc H, chị Phan Ngọc N được thực hiện cùng thời gian.

** Về án phí, lệ phí sơ thẩm:*

+ Chị Lê Thị Hồng D pH chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 68.365.900đ án phí dân sự sơ thẩm; Đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014155 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang; Được khấu trừ nên chị Lê Thị Hồng D phải nộp thêm số tiền tổng cộng 68.365.900đ.

+ Anh Nguyễn Văn B pH chịu 68.365.900đ án phí dân sự sơ thẩm; Đã nộp tạm ứng 19.475.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014254 ngày 09/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang; Được khấu trừ nên anh Nguyễn Văn B phải nộp thêm số tiền 48.894.900đ.

+ Anh Nguyễn Ngọc H, chị Phan Ngọc N không phải chịu án phí nên được hoàn lại 7.500.000đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007329 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang.

** Về chi phí tố tụng:* Anh Nguyễn Văn B, chị Lê Thị Hồng D phải chịu chi phí tố tụng số tiền tổng cộng là 19.271.448đ; Trong đó, anh Nguyễn Văn B đã nộp và quyết toán xong tại Tòa án nên chị Lê Thị Hồng D phải hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn B số tiền là 9.635.724đ.

Báo cho đương sự có mặt tham dự phiên tòa biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Riêng anh Lê Vũ L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND H. Châu Thành (1);
- Chi cục THADS H. Châu Thành (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

